

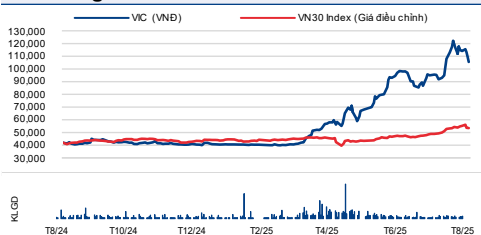
Giảm tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ105,000
Tiềm năng tăng/giảm: 1.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (1/8/2025)	104,000
Mã Bloomberg	VIC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	39,900-122,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	109,560
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	391,582
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	14,935
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,765
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,845
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,561
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.54%
Tỷ lệ freefloat	27.4%
Cổ đông lớn	tịch , người liên quan (66.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	192,159	278,503	291,588
EBITDA đc (tỷ đồng)	53,475	34,843	34,774
LNTT (tỷ đồng)	17,130	12,158	9,787
LNT ĐC (tỷ đồng)	4,463	(12,705)	(11,732)
FCF (tỷ đồng)	(32,849)	(17,545)	25,191
EPS ĐC (đồng)	1,155	4,137	3,031
DPS (đồng)	-	-	-
BVPS (đồng)	36,539	40,676	43,707
T.trưởng EBITDA (%)	106	(34.8)	(0.20)
T.trưởng EPS ĐC (%)	443	33.1	(26.7)
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	27.8	12.5	11.9
Tỷ suất LNTT (%)	8.91	4.37	3.36
Tỷ suất LNT ĐC (%)	6.11	5.61	3.92
Tỷ lệ LN trả CT (%)	-	-	-
Nợ thuần/VCSH (%)	233	214	185
ROAE (%)	9.33	10.7	7.18
ROACE (%)	10.4	1.78	1.96
EV/doanh thu (lần)	2.99	2.13	1.96
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	17.0	16.4
P/E ĐC (lần)	90.0	25.1	34.3
P/B (lần)	2.85	2.56	2.38
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VIC là công ty tư nhân lớn nhất VN, nhà phát triển khu dân cư & thương mại số 1. Công ty cũng sản xuất ô tô, xe máy điện & thiết bị điện tử thông minh cũng như cung cấp các dịch vụ giáo dục, khách sạn và y tế.

Chuyên viên phân tích

Phạm Ngọc Trung, CFA

Trưởng phòng, Ngành Bất Động Sản
trung.ph@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Đoàn Bảo Anh Tuấn

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Q2/2025: Khoản tài trợ lớn giúp hạn chế lỗ thuần

- Mặc dù nhận được khoản tài trợ trị giá 18 nghìn tỷ đồng từ Chủ tịch HĐQT giúp cải thiện lợi nhuận, VIC vẫn ghi nhận khoản lỗ thuần 581 tỷ đồng trong Q2/2025. Kết quả này đã cải thiện so với mức lỗ 3,5 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024 nhưng thấp hơn nhiều so với lợi nhuận 7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025 và không đạt dự báo lợi nhuận 500 tỷ đồng của HSC.
- Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên ước tính, lỗ HĐKD cốt lõi của VIC trong Q2/2025 là 12,3 nghìn tỷ đồng – cao hơn một chút so với lỗ HĐKD cốt lõi 12,2 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024 và suy giảm mạnh so với lợi nhuận HĐKD cốt lõi 4,7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 53% trong 3 tháng qua (mặc dù giảm trong 2 tuần gần đây), VIC hiện đang giao dịch với mức chiết khấu 14% so với ước tính RNAV dự phóng, nhỏ hơn chiết khấu bình quân 3 năm ở mức 26%. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

VIC ghi nhận khoản lỗ thuần 581 tỷ đồng trong Q2/2025 – cải thiện so với mức lỗ 3,5 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024 nhưng thấp hơn đáng kể so với lợi nhuận 7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025 và không đạt dự báo lợi nhuận 500 tỷ đồng của HSC.

Đáng chú ý, KQKD Q2/2025 được hỗ trợ bởi khoản tài trợ 18 nghìn tỷ đồng từ Chủ tịch HĐQT VIC (so với không có khoản này trong Q2/2024 và 5 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025). Nếu không tính đến các khoản mục không thường xuyên ước tính, lỗ HĐKD cốt lõi của VIC trong Q2/2025 là 12,3 nghìn tỷ đồng, so với lỗ HĐKD cốt lõi 12,2 nghìn tỷ đồng trong Q2/2024 và lợi nhuận HĐKD cốt lõi 4,7 nghìn tỷ đồng trong Q1/2025. Kết quả HĐKD cốt lõi thấp hơn kỳ vọng chủ yếu do lượng bàn giao thấp tại mảng BĐS nhà ở; KQKD mảng xe điện VinFast sát với kỳ vọng.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu, lợi nhuận thuần và lợi nhuận HĐKD cốt lõi của VIC đạt lần lượt 130,4 nghìn tỷ đồng, 6,4 nghìn tỷ đồng và lỗ 7,6 nghìn tỷ đồng. Các dự báo hiện tại của HSC cho năm 2025 lần lượt là 279 nghìn tỷ đồng, 15,6 nghìn tỷ đồng (bao gồm khoản tài trợ 25 nghìn tỷ đồng), và lỗ HĐKD cốt lõi 4,4 nghìn tỷ đồng. LNST nửa đầu năm 2025 hoàn thành 45% kế hoạch HĐKD cả năm của BLĐ (không đặt kế hoạch cụ thể cho lợi nhuận thuần/lợi nhuận HĐKD cốt lõi, lỗ).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025, VIC

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	So với cùng kỳ	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	42,327	46,312	9%	64,066	130,365	103%
Lợi nhuận gộp	6,995	2,918	-58%	5,039	22,123	339%
Doanh thu HĐ tài chính	10,300	2,537	-75%	29,241	6,419	-78%
Chi phí tài chính	(8,613)	(11,231)	30%	(15,890)	(19,134)	20%
Chi phí bán hàng	(3,638)	(5,238)	44%	(6,959)	(9,923)	43%
Chi phí QL	(3,340)	(2,986)	-11%	(6,776)	(8,552)	26%
Lợi nhuận HĐ	2,187	(13,907)	-736%	5,125	(8,750)	-271%
Lợi nhuận thuần khác	1,905	17,570	822%	1,462	19,794	1254%
LNST	4,093	3,662	-11%	6,586	11,044	68%
LNST	719	2,265	215%	2,054	4,509	120%
Lợi nhuận thuần	(3,519)	(581)	-83%	4,416	6,398	45%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	8,717	11,760	35%	20,991	14,006	-33%
Lợi nhuận "cốt lõi"	(12,236)	(12,341)	1%	(16,575)	(7,608)	-54%

Nguồn: HSC

Theo mảng:

Mảng phát triển BĐS nhà ở: Doanh thu đạt 15,2 nghìn tỷ đồng, giảm 29% so với cùng kỳ và giảm 72% so với quý trước, đóng góp 33% tổng doanh thu hợp nhất của VIC trong kỳ. Sự sụt giảm doanh thu chủ yếu là do lượng bàn giao trong kỳ thấp, với đóng góp chính đến từ các dự án Vinhomes Ocean Park 2, 3 và Vinhomes Royal Island. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 41%, so với 44% trong Q2/2024, sát với dự báo của HSC.

Mảng sản xuất: Mảng sản xuất – chủ yếu bao gồm kết quả kinh doanh ô tô của VinFast (VFS, VIC sở hữu 51% cổ phần) – ghi nhận doanh thu đạt 17,3 nghìn tỷ đồng, tăng 112% so với cùng kỳ và đóng góp 37% tổng doanh thu hợp nhất của VIC, nhờ lượng xe bàn giao trong kỳ tăng mạnh.

VinFast đã bàn giao khoảng 35.837 xe điện trong Q2/2025, chủ yếu tại thị trường nội địa, tăng 1,7 lần so với cùng kỳ; các mẫu VF3, VF5 và VF6 tiếp tục chiếm tỷ trọng bàn giao lớn nhất. Đồng thời, Công ty cũng bàn giao 69.580 xe máy điện, tăng 4,3 lần so với cùng kỳ. Tính chung, mảng này ghi nhận lỗ gộp 5,4 nghìn tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ và cao hơn một chút so với ước tính của HSC. Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này cải thiện từ mức âm 47% trong Q2/2024 lên âm 32% trong Q2/2025 (Q1/2025: âm 39%). Chúng tôi cho rằng phần lớn khoản lỗ gộp đến từ xe điện; ước tính lỗ gộp bình quân trên mỗi xe điện là 152 triệu đồng – cải thiện so với mức 291 triệu đồng trong Q2/2024 và 167 triệu đồng trong Q1/2025; con số này trong dự báo cả năm 2025 của chúng tôi là 99 triệu đồng (dựa trên sản lượng bàn giao 164.509 xe điện và 213.000 xe máy điện).

Mảng BĐS nghỉ dưỡng: Doanh thu từ mảng BĐS nghỉ dưỡng của CTCP Vinpearl (VPL; chưa khuyến nghị; VIC sở hữu 85,6% cổ phần) trong Q2/2025 đạt 2,8 nghìn tỷ đồng, tăng 94% so với cùng kỳ và tăng 12% so với quý trước. HSC cho rằng điều này phản ánh việc tái cơ cấu tỷ lệ sở hữu tại một số tài sản, dẫn đến thay đổi trong số liệu hợp nhất BCTC của VIC. Theo Công ty, doanh thu từ hoạt động khách sạn và VinWonders (do VPL sở hữu và vận hành) tăng 25–30% so với cùng kỳ, nhờ sự phục hồi mạnh của lượng khách quốc tế và nhu cầu du lịch nội địa tăng trưởng tốt. Tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 27,3%, sát với dự báo của HSC.

Các mảng khác (bệnh viện, giáo dục, cho thuê, v.v.): ghi nhận tổng doanh thu đạt 11 nghìn tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ và đóng góp 24% tổng doanh thu hợp nhất. Tỷ suất lợi nhuận gộp ổn định ở mức 13%, tương đương Q2/2024.

Nợ thuần giảm nhưng nợ dài hạn đáo hạn trong 12 tháng tới tăng

Tại thời điểm cuối Q2/2025, tổng dư nợ thuần của VIC giữ ở mức ổn định 195 nghìn tỷ đồng, giảm 6,3% trong Q2/2025 nhưng tăng 9% so với đầu năm. Tỷ lệ nợ thuần/vốn CSH đạt 1,23 lần, giảm so với mức 1,32 lần trong Q1/2025 nhưng tăng so với mức 1,09 lần trong Q4/2024, HSC cho rằng đây vẫn là mức cao. Khoản nợ dài hạn sẽ đáo hạn trong 12 tháng tới tăng mạnh, lên 52,6 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2025 từ mức 36 nghìn tỷ đồng vào cuối Q1/2025 và 40,2 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2024. Chúng tôi cho rằng cần theo dõi chặt chẽ tình hình vay nợ của VIC.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 53% trong 3 tháng qua (mặc dù giảm trong 2 tuần gần đây), VIC hiện đang giao dịch với mức chiết khấu 14% so với ước tính RNAV dự phóng, nhỏ hơn chiết khấu bình quân 3 năm ở mức 26%. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	161,428	192,159	278,503	291,588	334,669
Lợi nhuận gộp	23,508	28,112	57,121	55,908	75,605
Chi phí BH&QL	(25,977)	(35,082)	(49,236)	(47,072)	(54,333)
Thu nhập khác	15,358	43,698	1,764	0	0
Chi phí khác	(4,581)	(5,999)	(3,916)	(2,663)	(3,062)
EBIT	8,308	30,729	5,732	6,173	18,210
Lãi vay thuần	(11,192)	(16,143)	(16,740)	(14,448)	(11,323)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(97.8)	849	842	925	1,136
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	16,751	1,695	22,323	17,137	(2,666)
LNTT	13,769	17,130	12,158	9,787	5,357
Chi phí thuế TNDN	(11,713)	(11,473)	(12,800)	(12,240)	(9,001)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(101)	(6,484)	(16,260)	(13,896)	(8,460)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,157	11,735	15,617	11,443	4,816
Lợi nhuận thuần ĐC	5,060	4,463	(12,705)	(11,732)	(7,487)
EBITDA ĐC	25,914	53,475	34,843	34,774	47,323
EPS (đồng)	573	3,109	4,137	3,031	1,276
EPS ĐC (đồng)	1,310	1,155	4,137	3,031	1,276
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,765	3,775	3,775	3,775	3,775
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,775	3,775	3,775	3,775	3,775
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,853	3,863	3,863	3,863	3,863

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	27,983	42,669	31,211	35,345	68,001
Đầu tư ngắn hạn	6,999	6,593	6,593	6,593	6,593
Phải thu khách hàng	168,115	190,336	201,482	200,488	209,943
Hàng tồn kho	92,624	112,799	144,228	163,324	209,529
Các tài sản ngắn hạn khác	47,817	47,978	52,615	53,318	55,631
Tổng tài sản ngắn hạn	343,536	400,375	436,129	459,068	549,697
TSCĐ hữu hình	128,274	144,925	136,135	126,875	116,145
TSCĐ vô hình	31,931	37,667	35,063	32,045	28,563
Bất động sản đầu tư	37,538	13,299	20,676	23,928	27,307
Đầu tư dài hạn	13,066	18,237	20,176	22,309	24,655
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,539	9,222	9,222	10,147	11,283
Tài sản dài hạn khác	111,772	215,492	215,819	216,270	216,703
Tổng tài sản dài hạn	324,119	438,841	437,091	431,574	424,656
Tổng cộng tài sản	667,656	839,216	873,220	890,642	974,353
Nợ ngắn hạn	116,235	97,217	108,087	99,499	143,014
Phải trả người bán	34,874	48,825	56,448	59,720	72,629
Nợ ngắn hạn khác	185,036	196,991	223,206	255,210	256,600
Tổng nợ ngắn hạn	401,298	514,845	551,985	580,913	673,181
Nợ dài hạn	97,018	126,913	124,068	114,657	109,374
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1,202	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	11,993	41,939	42,290	42,649	43,018
Tổng nợ dài hạn	110,213	168,852	166,358	157,306	152,392
Tổng nợ phải trả	519,434	685,699	720,345	740,220	827,575
Vốn chủ sở hữu	113,741	137,939	153,556	164,999	169,816
Lợi ích cổ đông thiểu số	34,481	15,579	(681)	(14,577)	(23,038)
Tổng vốn chủ sở hữu	148,222	153,518	152,875	150,422	146,778
Tổng nợ phải trả và VCSH	667,656	839,216	873,220	890,642	974,353
BVPS (đ)	30,129	36,539	40,676	43,707	44,983
Nợ thuần*/(tiền mặt)	185,271	181,461	200,944	178,811	184,388

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,308	30,729	5,732	6,173	18,210
Khấu hao	(17,606)	(22,746)	(29,111)	(28,601)	(29,114)
Lãi vay thuần	(11,192)	(16,143)	(16,740)	(14,448)	(11,323)
Thuế TNDN đã nộp	(6,880)	(10,620)	(12,800)	(12,240)	(9,001)
Thay đổi vốn lưu động	(38,984)	22,760	(20,655)	19,000	(8,928)
Khác	14,377	(26,693)	28,389	24,929	8,825
LCT thuần từ HKKD	(20,012)	17,877	7,536	44,752	16,026
Đầu tư TS dài hạn	(54,548)	(50,726)	(25,081)	(19,560)	(18,120)
Góp vốn & đầu tư	(26,339)	(49,866)	(1,939)	(3,058)	(3,482)
Thanh lý	53,069	82,966	0	0	0
Khác	833	(10,278)	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(26,985)	(27,904)	(27,020)	(22,618)	(21,603)
Cổ tức trả cho CSH	(61.0)	(666)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	10,753	15,659	0	0	0
Tăng/giảm nợ	38,038	9,720	8,025	(17,999)	38,233
Khác	(11.3)	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	48,718	24,713	8,025	(17,999)	38,233
Tiền & tương đương tiền đầu kì	26,213	27,983	42,669	31,211	35,345
LCT thuần trong kỳ	1,721	14,687	(11,458)	4,134	32,656
Ảnh hưởng của tỷ giá	48.1	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	27,983	42,669	31,211	35,345	68,001
Dòng tiền tự do	(74,560)	(32,849)	(17,545)	25,191	(2,095)

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	14.6	14.6	20.5	19.2	22.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.1	27.8	12.5	11.9	14.1
Tỷ suất LNT (%)	1.34	6.11	5.61	3.92	1.44
Thuế TNDN hiện hành (%)	85.1	67.0	105	125	168
Tăng trưởng doanh thu (%)	58.6	19.0	44.9	4.70	14.8
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(30.0)	106	(34.8)	(0.20)	36.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(49.6)	(11.8)	(385)	7.66	36.2
Tăng trưởng EPS (%)	(75.5)	443	33.1	(26.7)	(57.9)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(49.8)	(11.8)	258	(26.7)	(57.9)
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	1.93	9.33	10.7	7.18	2.88
ROACE (%)	3.05	10.4	1.78	1.96	5.96
Vòng quay tài sản (lần)	0.26	0.26	0.33	0.33	0.36
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(2.41)	0.58	1.31	7.25	0.88
Số ngày tồn kho	245	251	238	253	295
Số ngày phải thu	445	423	332	310	296
Số ngày phải trả	92.3	109	93.1	92.5	102
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	203	233	214	185	206
Nợ/tài sản (%)	38.8	43.4	41.2	38.2	42.9
EBIT/lãi vay (lần)	0.74	1.90	0.34	0.43	1.61
Nợ/EBITDA (lần)	9.99	6.80	10.3	9.78	8.84
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.86	0.78	0.79	0.79	0.82
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.58	2.99	2.13	1.96	1.72
EV/EBITDA ĐC (lần)	22.3	10.7	17.0	16.4	12.2
P/E (lần)	182	33.5	25.1	34.3	81.5
P/E ĐC (lần)	79.4	90.0	25.1	34.3	81.5
P/B (lần)	3.45	2.85	2.56	2.38	2.31
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn